TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – H1	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **142**/2026/HSST
Ngày: 08/04/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - H1

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân 1) Bà Nguyễn Thị Hà

2) Bà Lưu Thị Hà

- ***Thư ký ghi biên bản phiên Tòa****:* Bà Hoàng Huyền Trang –Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - H1.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - H1 tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Bách – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – H1 đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 118/2026/TLST-HS, ngày 16 tháng 03 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2026/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 03 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **ĐTH,** sinh năm 1998 tại H1; Tên gọi khác: Không; CCCD: 001******078; Giới tính: Nam; Nơi ĐKHKTT: Khu 6, xã H, thành phố H1; Nơi ở hiện tại: P412 CT19A2, KĐT V, phường V, thành phố H1. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông ĐTT, sinh năm 1962 và bà NTHA, sinh năm 1976; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 028 lập ngày 08/01/2026 tại PTTG V – H1 và lý lịch bị can thể hiện bị cáo có 02 tiền án:

- Tại bản án số 153/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ khoảng thời gian tạm giữ từ ngày 08/6/2021 đến ngay 11/6/2021, buộc ĐTH bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, án phí HSST 200.000 đồng, án phí DSST 1.500.000 đồng. Xác minh tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 thành phố H1 kết quả: ĐTH đã nộp 200.000 đồng tiền án phí HSST theo biên lai thu tiền số 0173 ngày 29/11/2021 và 1.500.000 đồng tiền án phí DSST theo biên lai thu tiền số 049 ngày 23/12/2021; Đối với số tiền bồi thường 30.000.000 đồng, bị hại chưa có đơn yêu cầu thi hành án nên Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm không có căn cứ ban hành quyết định thi hành án đối với số tiền trên. (Chưa được xóa án tích)

- Tại bản án số 41/2022/HSST ngày 17/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xử phạt 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt 16 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 153/2022/HS-ST ngày 28/9/2021 của Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, buộc H phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 46 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2021, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 08/6/2021 đến ngày 11/6/2021, buộc bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, án phí HSST 200.000 đồng và án phí DSST 1.000.000 đồng. Xác minh tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 thành phố H1 kết quả: ĐTH đã thi hành xong khoản án phí HSST 200.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0012467 ngày 17/3/2022 và khoản án phí DSST 1.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0623 ngày 23/5/2022; Đối với khoản bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng, Cơ quan thi hành án chưa ra Quyết định thi hành án do chưa nhận được đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 19/09/2025, H chấp hành xong hình phạt tù. (Chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Tại bản án số 15/2016/HSST ngày 25/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo đầu thú và tạm giữ ngày 30/12/2025 đến ngày 08/01/2026 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố H1. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người bị hại:

Chị LTMA, sinh năm 2001; Địa chỉ: GT A, TA, thành phố H1. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà PTKV, sinh năm 1976; địa chỉ: 197 NL, phường BĐ, thành phố H1. Có mặt.

+ Bà NTHA, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu 6 xã H, thành phố H1. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 29/12/2025, Công an phường BĐ nhận được đơn trình báo của chị LTMA (sinh năm: 2001, Nơi cư trú: GT A, TA, thành phố H1) về việc: Ngày 29/12/2025, ĐTH lừa đảo chiếm đoạt của chị MA: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS: 29AC-52**01, 01 dây chuyền vàng 10K, 01 lắc tay vàng 10K, 03 nhẫn vàng 10K.

Sau khi tiếp nhận đơn trình báo, đến 22 giờ 30 phút cùng ngày ĐTH đến Công an phường BĐ đầu thú về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình và giao nộp số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, ĐTH khai nhận: Ngày 24/12/2025, ĐTH sử dụng tài khoản mạng xã hội Facebook "TH" để nhắn tin, làm quen với chị LTMA. Ngày 28/12/2025, H cùng với chị MA đi chơi bằng chiếc xe máy mang hiệu Honda Vision,

BKS: 29AC-52**01 của chị MA. Cả hai vào nhà nghỉ Bình Dương, địa chỉ số 61/2 phố NL, phường BĐ, H1. Tại phòng 404 của nhà nghỉ, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị MA nên đã nói với chị MA rằng cho mình mượn xe máy và đăng ký xe để mang 03 nhẫn vàng, 01 vòng cổ, 01 lắc tay vàng (loại vàng 10K, mỗi nhẫn vàng có trọng lượng 0,5 chỉ, vòng cổ có trọng lượng 0,5 chỉ và lắc tay có trọng lượng 0,5 chỉ) đi đổi sang vàng có giá trị cao hơn tặng chị MA nhưng mục đích để chiếm đoạt tài sản mang đi bán. Do tin tưởng nên chị MA đồng ý giao tài sản cho H. Sau khi nhận được tài sản, H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 29AC-52**01 đến cửa hàng cầm đồ HK, địa chỉ: 197 NL, phường BĐ, H1 bán số tài sản bao gồm chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 29AC-52**01 và số trang sức của chị MA cho bà PTKV (sinh năm: 1976, HKTT: 197 NL, phường BĐ, H1). Chị K đồng ý mua với tổng số tiền 37.000.000 đồng (trong đó tiền mua xe máy là 30.000.000 đồng còn tiền mua trang sức là 7.000.000 đồng), sau đó bà K chuyển khoản 7.000.000 từ số tài khoản 190***017 tại ngân hàng T của bà K đến số tài khoản 996***506 tại ngân hàng T của H và nhờ anh ĐTK (sinh năm: 1986, HKTT: BĐ, H1) chuyển 30.000.000 đồng đến tài khoản trên của H. Sau khi nhận tiền, H đã mang đi tiêu xài cá nhân hết số tiền 17.000.000 đồng. Đến 22 giờ 30 phút ngày 29/12/2025, H đến Công an phường BĐ đầu thú về hành vi của mình và giao nộp số tiền 20.000.000 đồng là số tiền H chưa tiêu xài đến.

Bà PTKV đã giao nộp lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, BKS: 29AC-52**01 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 06/01/2026 của Hội đồng định giá tài trong tố tụng hình sự phường BĐ kết luận: Tài sản là 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, BKS 29AC – 52**01 có số khung: RLHJK0389SY168062, số máy JK03E1620647 (đã qua sử dụng) trị giá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 04/02/2026 của Hội đồng định giá tài trong tố tụng hình sự phường BĐ kết luận:

- 03 (ba) nhẫn trang sức bằng kim loại vàng loại 10K, mỗi nhẫn có trọng lượng khoảng 0,5 chỉ, đã qua sử dụng trị giá 6.987.000 đồng.

- 01 (một) lắc tay trang sức bằng kim loại vàng loại 10K, có trọng lượng khoảng 0,5 chỉ, đã qua sử dụng trị giá 2.329.000 đồng.

- 01 (một) vòng cổ trang sức bằng kim loại vàng loại 10K, có trọng lượng khoảng 0,5 chỉ, đã qua sử dụng trị giá 2.329.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 11.645.000 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 196/CT-VKSKV5 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H1 đã truy tố bị cáo ĐTH về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo xác định số tiền 20.000.000 đồng bị cáo đã nộp trong quá trình điều tra là tiền bà K đã trả cho bị cáo để mua chiếc xe máy của chị MA mà bị cáo chưa tiêu hết, bị cáo đề nghị trả lại số tiền này cho bà PTKV.

Bà NTHA trình bày: Bà là mẹ bị cáo ĐTH, bà đã thay bị cáo bồi thường cho chị LTMA tổng số tiền 11.645.000 đồng; bồi thường cho bà PTKV số tiền 8.000.000 đồng. Bà HA không yêu cầu bị cáo phải hoàn lại số tiền này cho bà.

Bà PTKV trình bày: Quá trình chuẩn bị xét xử, bà HA đã thay bị cáo bồi thường cho bà K số tiền 8.000.000 đồng. Bà đề nghị được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng hiện bị cáo đã nộp lại trong quá trình điều tra. Số tiền 2.000.000 đồng còn lại bà không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H1 sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng; trình bày lời luận tội và đề nghị như sau:

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt ĐTH từ 3 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2025.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có thu nhập ổn định.

Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 468, 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự.

Đối với chị LTMA là người bị hại trong hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo ĐTH: Chị LTMA xác nhận đã nhận lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, BKS: 29AC-52**01. Quá trình chuẩn bị xét xử mẹ của bị cáo H là bà NTHA đã bồi thường thay bị cáo số tiền còn lại là 11.645.000 đồng, chị MA xác nhận đã nhận đủ và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên không xem xét giải quyết.

Đối với bà PTKV là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình điều tra, bà PTKV yêu cầu bị cáo H bồi thường tổng số tiền 30.000.000 đồng là số tiền chị K đã bỏ ra mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, BKS: 29AC-52**01. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bà K số tiền 20.000.000 đồng hiện đang

lưu giữ tại cơ quan Thi hành án. Bị cáo còn phải bồi thường cho bà K nốt số tiền còn lại là 10.000.000 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, mẹ của bị cáo H là bà NTHA đã bồi thường cho bà K thay bị cáo số tiền 8.000.000 đồng. Nay xác định bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho chị K số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà K không đề nghị bị cáo bồi thường nốt số tiền 2.000.000d đồng còn lại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà NTHA không đề nghị bị cáo phải hoàn trả lại số tiền bà đã thay bị cáo bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo ĐTH sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H1, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung bản cáo trạng đã nêu. ĐTH nhận thức được hành vi đó là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận. Chỉ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại – chị LTMA vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có văn bản trình bày xác định đã nhận đủ số tiền yêu cầu bị cáo bồi thường và không có yêu cầu hay đề nghị nào khác về dân sự. Chị MA có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà PTKV đồng ý với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến gì tranh luận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà NTHA không có yêu cầu hay đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – H1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người bị hại là chị LTMA đã được tống đạt hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của chị MA không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Tòa án xét xử vắng mặt chị MA theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập được, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 28/12/2025, tại nhà nghỉ Bình Dương, địa chỉ số 61/2 phố NL, phường BĐ, thành phố H1, bị cáo ĐTH có hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, BKS: 29AC-52**01 trị giá 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng cùng 03 (ba) nhẫn trang sức bằng kim loại vàng 10K trị giá 6.987.000 đồng, 01(một) lắc tay trang sức bằng kim loại vàng loại 10K trị giá 2.329.000 đồng, 01(một) vòng cổ trang sức bằng kim loại vàng loại 10K trị giám 2.329.000 đồng của chị LTMA. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 41.645.000 đồng.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương.

Bằng thủ đoạn gian dối và lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người bị hại với tổng giá trị chiếm đoạt là 41.645.000 đồng.

Bị cáo có 2 tiền án: 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 153/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm và 01 tiền án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại bản án số 41/2022/HSST ngày 17/2/2022 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Cả 2 tiền án này đều chưa được xóa án tích. Lần thực hiện hành vi vi phạm này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - H1 đã truy tố và kết luận bị cáo ĐTH phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Nhân thân của bị cáo: Ngoài 02 bản án bị cáo chưa được xóa án tích, nhân thân bị cáo còn 01 tiền án đã được xóa: Tại bản án số 15/2016/HSST ngày 25/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản. Như vậy, bị cáo đã từng bị pháp luật cảnh cáo, giáo dục nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội ngay khi vừa chấp hành xong hình phạt tù của

các bản án trước. Điều này thể hiện việc bị cáo xem thường pháp luật, liên tiếp phạm tội trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử đã xem xét:

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan Công an để đầu thú. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình để gia đình khắc phục một phần hậu quả nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5].Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với số tiền 20.000.000 đồng do ĐTH giao nộp. Đây là tiền bị cáo có được do bị cáo bán chiếc xe máy chiếm đoạt của người bị hại cho bà PTKV. Do đó, cần hoàn trả chị K số tiền này.

[7] Về dân sự:

Xác định chị LTMA là người bị hại trong vụ án đã nhận lại đủ tài sản bị chiếm đoạt và tiền bồi thường. Chị MA không có yêu cầu, đề nghị nào khác về dân sự nên không xem xét giải quyết.

Đối với bà PTKV là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà K là người đã mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, BKS: 29AC-52**01 với giá 30.000.000 đồng. Khi vụ án được điều tra, bà K đã tự nguyện giao nộp lại tài sản này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Bà K yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 30.000.000 đồng là số tiền bà K đã bỏ ra mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, BKS: 29AC-52**01. Yêu cầu bồi thường này của chị K là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị PTKV số tiền 30.000.000 đồng. Xác định, bị cáo đã bồi thường cho bà K số tiền 20.000.000 đồng hiện đang lưu giữ tại cơ quan thi hành án (được giải quyết tại phần xử lý vật chứng). Quá trình chuẩn bị xét xử, bà NTHA đã thay bị cáo bồi thường cho bà K số tiền 8.000.000 đồng. Nay bà K không yêu cầu bị cáo phải bồi

thường nốt số tiền 2.000.000 đồng còn lại, Hội đồng xét xử ghi nhận và xác nhận bị cáo ĐTH đã hoàn thành nghĩa vụ dân sự với bà K.

Bà NTHA không đề nghị bị cáo phải hoàn trả lại số tiền bà đã thay bị cáo bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, BKS: 29AC-52**01 và số trang sức từ ĐTH của bà PTKV, khi giao dịch mua bán bà K không biết số tài sản trên là do H lừa đảo mà có, bản thân H khi bán xe máy có xuất trình được giấy tờ xe, vì vậy không có căn cứ xử lý đối với bà K.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, BKS: 29AC-52**01 có số khung: RLHJK0389SY168062, số máy: JK03E1620647 quá trình điều tra xác định đăng ký chính chủ chị LTMA. Ngày 15/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H1 ra Quyết định trả lại chiếc xe máy trên cho chị LTMA là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số trang sức vàng H đã bán cho bà K, sau khi mua xong bà K đã bán cho một người khách không quen biết với số tiền 7.000.000 đồng, Cơ quan Điều tra không thu hồi được nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo ĐTH phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 30, 135, 136, 299, 326, 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 468, 584, 585, 586, 588, 599 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án.

Xử phạt: ĐTH 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2025.

2. Về dân sự: Không.

3. Xử lý vật chứng: Hoàn trả bà PTKV số tiền 20.000.000 đồng hiện đang lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – H1 theo phiếu thu ngày 13/03/2026.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại là chị LTMA, có mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà PTKV và bà NTHA.

Bị cáo quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
-UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú (thay Thông báo KQXX);
- VKSND Khu vực 5 – H1;
- TAND Thành phố H1;
- VKSND TP H1;
- Phòng quản lý HS nghiệp vụ Công An TP HN;
- Phòng THADS Khu vực 5 – H1;
- Công an TP H1;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP,THAHS,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc